

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **17/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 02 - 2026

V/v “Tranh chấp xác định
con cho cha”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Bà Phan Thị Bích Thuận

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 4 Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4
Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 424/2025/TLST-
HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về: “Tranh chấp xác định con cho cha” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2026
giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* ông **Ngô Văn V**, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã D,
thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 049094019313 do Cục cảnh sát Quản lý hành
chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021. *Có mặt*

* *Bị đơn:* bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ C, phường H,
thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 048301003673 do Cục cảnh sát Quản lý hành
chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021. *Có mặt*

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Đặng Cu H**, sinh năm
1989; Địa chỉ: thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành án tại
Trại giam B1, thành phố H. Giấy chứng minh nhân dân số 205381485 do Công
an Q cấp ngày 18/6/2020. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông
Ngô Văn V trình bày:*

Khoảng tháng 02 năm 2024, ông Ngô Văn V có quen biết với bà Nguyễn Thị M. Sau đó giữa hai bên có phát sinh quan hệ tình dục và đến ngày 15/10/2025, bà M đã sinh một bé trai. Khi ông V tiến hành khai sinh cho cháu bé mới biết bà M vẫn trong thời kỳ hôn nhân với chồng là ông Đặng Cu H. Do đó, ông Ngô Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết xác định bé trai có Giấy chứng sinh số 07087, quyển số 10/202 do Bệnh viện P1 cấp ngày 15/10/2025 là con đẻ của ông Ngô Văn V.

2. Bị đơn - bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Đặng Cu H kết hôn vào năm 2019. Sau khi kết hôn, giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt nên từ đầu năm 2020 bà M đã tự động bỏ về ở với ba mẹ ruột tại tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Còn ông H sinh sống với gia đình ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ). Vào khoảng cuối năm 2020 ông H bị kết án và hiện đang chấp hành tại Trại giam B1, thành phố H. Sau khi sống ly thân với ông H, đến năm 2024 bà M quen biết với ông Ngô Văn V. Trong một lần say rượu giữa cả hai đã xảy ra quan hệ tình dục ngoài ý muốn và đến ngày 15/10/2025 thì bà M sinh một bé trai có Giấy chứng sinh số 07087, quyển số 10/2025 do Bệnh viện P1 cấp ngày 15/10/2025. Bà M xác định cháu bé là con đẻ của ông Ngô Văn V.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Cu H vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn năm 2019, đến năm 2020 ông H đi chấp hành án tại Trại giam B1 cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn V, ông H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, ông H cũng xác định cháu bé không phải là con đẻ của ông.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng, Hội đồng xét

xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn V đối với bà Nguyễn Thị M là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng theo quy định tại khoản 4 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Đặng Cu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu xác định con cho cha của nguyên đơn là ông Ngô Văn V, thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị M và ông Đặng Cu H kết hôn vào năm 2019. Ngày 15/10/2025 bà M sinh 01 bé trai theo Giấy chứng sinh số 07087, quyển số 10/2025 do Bệnh viện P1 cấp ngày 15/10/2025. Như vậy bà M sinh con trong thời kỳ hôn nhân với ông H. Tuy nhiên, ông H xác định cháu bé không phải con đẻ của ông và bà M, còn bà M và ông V đều thống nhất xác định ông V là cha đẻ của cháu bé là hoàn toàn phù hợp với Kết quả phân tích ADN ngày 08/01/2026 của Công ty TNHH G với nội dung kết luận: ông Ngô Văn V và cháu Ngô Minh K (tên giả định) có quan hệ huyết thống Cha - Con, bà Nguyễn Thị M và cháu Ngô Minh K (tên giả định) có quan hệ huyết thống Mẹ - Con.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn V có cơ sở nên căn cứ Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Ngô Văn V được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Văn V:

Xác định ông Ngô Văn V - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: thôn T, xã D, thành phố Đà Nẵng - Số CCCD: 049094019313 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021 là cha đẻ của bé trai do bà Nguyễn Thị M sinh ra ngày 15 tháng 10 năm 2025 theo Giấy chứng sinh số 07087, quyển số 10/2025 do Bệnh viện P1 cấp ngày 15/10/2025.

2. Ông Ngô Văn V được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4 Đà Nẵng;
AHồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM
QUẬN THANH KHÊ
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Khê, ngày 20 tháng 5 năm 2019

Số: **01/2019/QĐST-DS**

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định cha cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị T.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Phan Khánh V1

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Tiến B - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 154/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về yêu cầu "*Xác định cha cho con*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 154/QĐ-TA ngày 06 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông **Phạm Văn V2**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: K đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Võ Thị M1**, sinh năm: 1957; Địa chỉ: K đường Đ, tổ A phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

2. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1943; Địa chỉ: Số D đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

3. Ông **Phạm Văn P**, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Số E đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

4. Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số D đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

5. Bà **Phạm Thị T2**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số H đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Từ năm 1976 đến năm 1981 bà Võ Thị M1 có quan hệ tình cảm với ông Phạm Đ và đến năm 1981 thì sinh ra anh Phạm Văn V2. Sau đó, vì ông Đ đang tồn tại quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Thị C nên ông Đ và bà M1 đã chấm dứt quan hệ. Do không biết chính xác các thông tin về ông Đ nên khi làm khai sinh cho anh V2, tại phần khai về người cha bà M1 đã tự ghi là Phạm Văn Đ1 (tên thường gọi ở nhà của ông Đ là Đ1). Sau này gia đình ông Đ (ông Đ, vợ là bà C và các con chung của ông Đ và bà C) đã nhìn nhận mối quan hệ cha con giữa ông Đ và anh V2, đồng thời quan hệ qua lại nhưng các bên chưa làm thủ tục pháp lý công nhận cha cho con. Ông Phạm Đ đã chết vào 2005. Nay anh Phạm Văn V2 yêu cầu Tòa án công nhận ông Phạm Đ là cha của anh V2.

Trong quá trình giải quyết, mặc dù tại phiên họp những người liên quan là bà Nguyễn Thị C, anh Phạm Văn P, anh Phạm Văn T1, chị Phạm Thị T2 và bà Võ Thị M1 vắng mặt nhưng tại các bản tự khai, đơn trình bày những người liên quan đều xác định ông Phạm Văn V2 đúng là con ruột của ông Phạm Đ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Phạm Văn V2, căn cứ Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận ông Phạm Đ là cha ruột của anh Phạm Văn V2.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê nhận định:

****Về tố tụng:***

[1] Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự của anh Phạm Văn V2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị M1, bà Nguyễn Thị C, anh Phạm Văn P, anh Phạm Văn T1, chị Phạm Thị T2 vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt nên căn cứ Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người này.

****Về nội dung:***

[1] Xét yêu cầu của anh Phạm Văn V2 về việc xác định ông Phạm Đ là cha của anh V2 thì thấy:

Từ năm 1976 đến năm 1981 bà Võ Thị M1 và ông Phạm Đ có quan hệ tình cảm và sinh ra anh Phạm Văn V2. Do ông Đ đang tồn tại quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Thị C nên sau đó ông Đ và bà M1 đã chấm dứt quan hệ. Khi làm khai sinh cho anh V2, tại phần khai về người cha, bà M1 đã tự ghi là Phạm Văn Đ1. Ông Phạm Đ đã chết vào 2005 và các bên chưa làm thủ tục pháp lý công nhận cha cho con. Nay anh Phạm Văn V2 yêu cầu công nhận ông Phạm Đ là cha của anh V2.

Bà Võ Thị M1, bà Nguyễn Thị C và các con chung của ông Đ và bà C là các anh Phạm Văn P, Phạm Văn T1 và chị Phạm Thị T2 đồng thời thừa nhận nội dung trên.

Kết quả xét nghiệm ADN giữa anh Phạm Văn P và anh Phạm Văn V2 do Công ty TNHH D cung cấp cũng thể hiện: *"Kết quả cung cấp chỉ ra rằng các cá thể này có cùng hệ gen NST Y và có mối quan hệ huyết thống theo dòng nội với xác suất là 99,99%"*

Do vậy có đủ cơ sở để xác định ông Phạm Đ là cha đẻ của anh Phạm Văn V2. Căn cứ vào Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn yêu cầu anh Phạm Văn V2 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê là hoàn toàn phù hợp.

[2] Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000đ anh Phạm Văn V2 phải chịu.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm t khoản 2 Điều 39, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Phạm Văn V2;

Tuyên bố: ông Phạm Đ - Sinh năm 1940 (đã chết năm 2005) - Nguyên quán: H, L, thành phố Đà Nẵng - Nơi thường trú cuối cùng: Tổ 19 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là cha đẻ của anh Phạm Văn V2 - Sinh năm 1981.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Phạm Văn V2 phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ đã nộp tại

biên lai thu số 4672 ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Anh Phạm Văn V2 có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Bà Võ Thị M1, bà Nguyễn Thị C, anh Phạm Văn P, anh Phạm Văn T1, chị Phạm Thị T2 có quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADSQ . Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

DƯƠNG THỊ THÁI